NIÊM YẾT

SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Số: **185**/TB-ĐGTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Trung tâm dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh An Giang thông báo:

Vào lúc 09 giờ ngày 20 tháng 01 năm 2022, Trung tâm dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh An Giang tổ chức đấu giá tài sản của người có tài sản đấu giá là Sở Tài chính tỉnh An Giang (số 5/10 Lê Quý Đôn, P. Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, An Giang), như sau:

1. Lô: 20 xe mô tô nguyên chiếc và 01 xe mô tô bán dạng phế liệu. Giá khởi điểm (GKĐ): **113.220.000đồng.**

2. Xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, Biển số **67A-0750** của Trung tâm Thẩm định Dự án đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. GKĐ: **181.175.000đồng.**

3. Xe ô tô con, nhãn hiệu: HONDA, Biển số **67A-003.47** của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp. GKĐ: **197.675.000đồng.**

4. Xe ô tô tải mui phủ, nhãn hiệu: VINAXUKI, Biển số **67C-007.56** của Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp. GKĐ: **72.000.000đồng.**

5. Xe ô tô khách, nhãn hiệu: TOYOTA, Biển số **67A-0730** của Văn phòng UBND tỉnh An Giang. GKĐ: **86.500.000đồng.**

6. Xe ô tô con, nhãn hiệu: NISSAN, Biển số **67A-0632** của Trường Trẻ em khuyết tật An Giang. GKĐ: **65.000.000đồng.**

7. Xe ô tô con, nhãn hiệu: MITSUBISHI, Biển số **67A-004.25** của Trường Cao đẳng nghề An Giang. GKĐ: **145.000.000đồng.**

8. Xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, Biển số **67A-003.35** (Biển số cũ 67A-0406) của Trung tâm Y tế Chợ Mới thuộc Sở Y tế. GKĐ: **64.750.000đồng.**

9. Xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, Biển số **67A-0523** của Trung tâm y tế huyện Châu Phú thuộc Sở Y tế. GKĐ: **41.800.000đồng.**

10. Xe ô tô khách, nhãn hiệu: TOYOTA, Biển số **67A-0797** của Tỉnh Đoàn An Giang. GKĐ: 73.000.000đồng.

11. Xe ô tô con, nhãn hiệu: MAZDA, Biển số **67A-0711** của Trường Chính trị Tôn Đức Thắng. GKĐ: 155.650.000đồng.

12. Xe ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, Biển số **67A-0935** của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư An Giang. GKĐ: **200.000.000đồng.**

13. Xe ô tô chở rác, nhãn hiệu: SUZUKI, Biển số **67A-0625** của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang. GKĐ: **71.855.000 đồng.**

14. Xe ô tô cứu thương, nhãn hiệu: MERCEDES - BENZ, Biển số **67A-0704** của Trung tâm Y tế huyện Châu Thành thuộc Sở Y tế. GKĐ: **125.000.000đồng.**

15. Xe ô tô cứu thương, nhãn hiệu: FIAT, Biển số **67A-0803** của Trung tâm Y tế Chợ Mới thuộc Sở Y tế. GKĐ: **55.000.000đồng.**

(Đính kèm chi tiết 02 phụ lục tài sản đấu giá).

** Giá khởi điểm trên không bao gồm phí sử dụng đường bộ, các loại phí, chi phí chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản, các chi phí di dời, vận chuyển tài sản (nếu có). Tất cả các loại phí, lệ phí và chi phí nêu trên do người mua được tài sản đấu giá chịu trách nhiệm nộp.*

<u>Các thông tin khác về tài sản và cuộc đấu giá</u>:

* Thời gian, địa điểm xem tài sản và giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và tài liệu liên quan: trong giờ hành chính ngày **12; 13 và 14/01** tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và Trụ sở đơn vị đang bảo quản tài sản.

* Thời gian; địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá và nhận phiếu trả giá, hướng dẫn về cách ghi phiếu trả giá: tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang trong giờ hành chính từ ngày niêm yết việc đấu giá đến trước **17 giờ 00 ngày 17/01/2022.**

* Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính ban hành.

* Tiền đặt trước: 20% GKĐ.

* Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá và mua hồ sơ tham gia đấu giá: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua và nộp đủ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang trong giờ hành chính theo quy định sau:

+ Khách hàng đủ điều kiện tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia đấu giá; phiếu trả giá hợp lệ từ ngày niêm yết việc đấu giá đến trước **17 giờ 00 ngày 17/01/2022** tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

+ Nộp tiền đặt trước trong thời hạn 3 ngày làm việc trước ngày công bố giá (trừ trường hợp Trung tâm và người tham gia đấu giá có thỏa thuận khác).

* Địa điểm đấu giá tài sản: Trung tâm DV đấu giá tài sản tỉnh An Giang.

* Phương thức đấu giá: trả giá lên; Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu gián tiếp;

Mọi chi tiết liên hệ Trung tâm dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh An Giang - số 01 Nguyễn Thái Học, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang. Điện thoại: 0296 3 857 763. Website: www.daugiaangiang.com./.

GIÁM ĐỐC

SỞ TƯ PHÁP TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TỈNH AN GIANG

Đặng Nguyễn Hồng Châu

Nơi nhận:
- Người có tài sản đấu giá; } (thay thư mời dự phiên đấu giá)
- GĐ Sở Tư pháp;
- Niêm yết tại trụ sở của Trung tâm DV Đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá;
- Trang TT điện tử về tài sản Nhà nước (để thông báo);
- Lưu: VT.

PHỤ LỤC 2: BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN ĐẤU GIÁ LÀ XE ÔTÔ ĐƯỢC PHÉP ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH BÁN RIÊNG TỪNG XE

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 185/TB-ĐGTS ngày 28/12/2021)

STT	Nội dung	Tài sản là xe ô tô	Giá khởi điểm (đồng)
1	Tên trong giấy đăng ký xe	**Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang**	**181.175.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0750**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: MAZDA Số loại: MAZDA 626 Loại xe: ô tô con Màu sơn: xanh Số máy: FS-390995 Số khung: GF22S1MH-001415 Số chỗ ngồi: 5 chỗ Năm, nước SX: 2002, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
2	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh An Giang** (Tên mới: Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh An Giang)	**197.675.000**
	Biển số đăng ký	**67A-003.47**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **HONDA** Số loại: ACCORD Loại xe: ô tô con Màu sơn: xanh Số máy: F22B2-3140510 Số khung: 1HGCD5536TA-210474 Số chỗ ngồi: 4 chỗ Năm, nước SX: 1996, Nhật Bản Nhiên liệu: xăng	
3	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh An Giang** (Tên mới: Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản tỉnh An Giang)	**72.000.000**
	Biển số đăng ký	**67C-007.56**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **VINAXUKI** Số loại: 1240T Loại xe: ô tô tải mui phủ Màu sơn: xanh Số máy: SD485ZL2378913 Số khung: RRXCA11SD7V080321 Số chỗ ngồi: 3 chỗ Năm, nước SX: 2007 Nhiên liệu: DIESEL	
4	Tên trong giấy đăng ký xe	**Văn phòng UBND tỉnh An Giang**	**86.500.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0730**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **TOYOTA** Số loại: HIACE Loại xe: khách Màu sơn: ghi – hồng Số máy: 3071930 Số khung: RZH1153000910 Số chỗ ngồi: 15 chỗ Năm, nước SX: 2003, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	

STT	Nội dung	Tài sản là xe ô tô	Giá khởi điểm (đồng)
5	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trường Trẻ em khuyết tật An Giang**	**65.000.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0632**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **NISSAN** Số loại: BLUE BIRD UU12 Loại xe: ô tô con Màu sơn: Xám Số máy: CA20-712219B Số khung: UU12-100398 Số chỗ ngồi: 4 chỗ Năm, nước SX: 1990, Nhật Bản Nhiên liệu: xăng	
6	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trường Cao đẳng nghề An Giang**	**145.000.000**
	Biển số đăng ký	**67A-004.25**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **MITSUBISHI** Số loại: Jolie VB2WLHEYVT Loại xe: ô tô con Màu sơn: xám Số máy: 4G63R-Z01310 Số khung: RLA00VB2W-41000830 Số chỗ ngồi: 08 chỗ Năm, nước SX: 2004, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
7	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm y tế huyện Chợ Mới**	**64.750.000**
	Biển số đăng ký	**67A-003.35 (Biển số cũ 67A-0406)**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **TOYOTA** Số loại: YR21 Loại xe: ô tô con Màu sơn: Vàng Số máy: 67A090406 Số khung: YR21.5057618 Số chỗ ngồi: 7 chỗ Năm, nước SX: 1984, Nhật Bản	
8	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm y tế huyện Châu Phú**	**41.800.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0523**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **TOYOTA** Số loại: YR21 Loại xe: ô tô con Màu sơn: Đồng Số máy: Không Số khung: YR21.5038533 Số chỗ ngồi: 7 chỗ Năm, nước SX: 1984, Nhật Bản	
	Tên trong giấy đăng ký xe	**Tỉnh Đoàn An Giang**	

STT	Nội dung	Tài sản là xe ô tô	Giá khởi điểm (đồng)
9	Biển số đăng ký	**67A-0797**	**73.000.000**
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **TOYOTA** Số loại: Hiace RZH 114 Loại xe: ô tô khách Màu sơn: ghi – hồng Số máy: 1RZ-2745986 Số khung: RZH1145001530 Số chỗ ngồi: 12 chỗ Năm, nước SX: 2002, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
10	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trường Chính trị Tôn Đức Thắng**	**155.650.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0711**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **MAZDA** Số loại: 626 Loại xe: ô tô con Màu sơn: xanh-đen Số máy: FS889812 Số khung: GF22S1MH000736 Số chỗ ngồi: 5 chỗ Năm, nước SX: 2001, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
11	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư An Giang**	**200.000.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0935**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **TOYOTA** Số loại: Zace GL KF82L-HRMNEU Loại xe: ô tô con Màu sơn: xanh-ghi Số máy: 7K-0752449 Số khung: KF3-6910925 Số chỗ ngồi: 08 chỗ Năm, nước SX: 2004, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
12	Tên trong giấy đăng ký xe	**Bệnh viện Đa khoa An Giang** (Tên mới: Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang)	**71.855.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0625**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **SUZUKI** Số loại: SUPER CARRY – SK410K Loại xe: Ô tô chở rác Màu sơn: Trắng Số máy: F10A1063528 Số khung: DA21TVN101946 Số chỗ ngồi: 02 chỗ Dung tích động cơ: 970cm3 Tải trọng làm việc: 500kg Năm, nước SX: 2001, Việt Nam Nhiên liệu: xăng	
	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm y tế huyện Châu Thành**	
	Biển số đăng ký	**67A-0704**	

STT	Nội dung	Tài sản là xe ô tô	Giá khởi điểm (đồng)
13	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **MERCEDES - BENZ** Số loại: MB100 Loại xe: xe ô tô cứu thương Màu sơn: Trắng Số máy: 161971100111123 (ghi theo thực tế kiểm tra và giấy kiểm định) Số khung: KPD661.2623P-161798 Số chỗ ngồi: 06 chỗ Năm, nước SX: 2002, Hàn Quốc	**125.000.000**
14	Tên trong giấy đăng ký xe	**Trung tâm y tế huyện Chợ Mới**	**55.000.000**
	Biển số đăng ký	**67A-0803**	
	Thông số kỹ thuật	Nhãn hiệu: **FIAT** Số loại: DUCATO Loại xe: xe cứu thương Màu sơn: Trắng Số máy: PSA-RHV10DYES-4004668 Số khung: ZFA244000-07238555 Số chỗ ngồi: 06 chỗ Năm, nước SX: 2003, Italia	

PHỤ LỤC 1: BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN ĐẤU GIÁ
LÔ: 20 XE MÔ TÔ NGUYÊN CHIẾC VÀ 01 XE MÔ TÔ BÁN DẠNG PHẾ LIỆU

(Kèm theo Thông báo đấu giá tài sản số 185/TB-ĐGTS ngày 28/12/2021)

STT	Tên phương tiện	Số lượng	Biển số	Công suất xe	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % còn lại	Giá khởi điểm (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG CỘNG:								**113.220.000**
I	20 XE MÔTÔ BÁN NGUYÊN CHIẾC CỦA THANH TRA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI:							**112.320.000**
1	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1562	110 cm^3	5VT254263	4YA054253	30%	5.616.000
2	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1563	110 cm^3	5VT257986	4YA057986	30%	5.616.000
3	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1564	110 cm^3	5VT253696	4YA053696	30%	5.616.000
4	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1573	110 cm^3	5VT258102	4YA058102	30%	5.616.000
5	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1575	110 cm^3	5VT258059	4YA058059	30%	5.616.000
6	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1576	110 cm^3	5VT258055	4YA058055	30%	5.616.000

STT	Tên phương tiện	Số lượng	Biển số	Công suất xe	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % còn lại	Giá khởi điểm (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1579	110 cm^3	5VT258756	4YA058756	30%	5.616.000
8	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1580	110 cm^3	5VT258790	4Y058790	30%	5.616.000
9	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1581	110 cm^3	5VT258807	4Y058807	30%	5.616.000
10	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1582	110 cm^3	5VT258806	4Y058806	30%	5.616.000
11	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1583	110 cm^3	5VT258811	4Y058811	30%	5.616.000
12	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1586	110 cm^3	5VT258823	4Y058823	30%	5.616.000
13	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1561	110 cm^3	5VT254281	4YA054281	30%	5.616.000
14	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1568	110 cm^3	5VT258077	4YA058077	30%	5.616.000
15	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1569	110 cm^3	5VT253683	4YA053683	30%	5.616.000

STT	Tên phương tiện	Số lượng	Biển số	Công suất xe	Số máy	Số khung	Tỷ lệ % còn lại	Giá khởi điểm (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
16	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1570	110 cm^3	5VT253396	4YA053396	30%	5.616.000
17	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1571	110 cm^3	5VT258091	4YA058091	30%	5.616.000
18	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1572	110 cm^3	5VT258081	4YA058081	30%	5.616.000
19	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1574	110 cm^3	5VT258089	4YA058089	30%	5.616.000
20	Xe YAMAHA JUPITER V: Loại bánh căm (Tên trong giấy đăng ký: Ban Thanh tra GTTB An Giang)	1	67B1 - 1578	110 cm^3	5VT258751	4YA058751	30%	5.616.000
II	01 XE MÔTÔ PHẾ LIỆU CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: Xe đã qua sử dụng, thuộc xe 4 không (không bán đổi, cho, tặng, hoá giá), không đảm bảo an toàn trong công tác							**900.000**